TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 09/2019/DS-ST
Ngày 03 tháng 5 năm 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Huy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mý

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Vương Tấn Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 93/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Khu C, bán đảo Đ, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân Tr – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: số X, đường H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; theo quyết định ủy quyền số 24/QĐ-NHCS ngày 22/6/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Y V, ông Nguyễn Thanh S, bà Y L và bà Trần Thị Kim C

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Xuân Tr trình bày như sau:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 11/6/2013 (BL14) và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của tổ tiết kiệm và vay vốn ngày 12/6/2013 (BL12), ngày 16/6/2013 Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Ia Grai đã giải ngân cho hộ gia

đình ông Nguyễn Thanh S, do ông Nguyễn Y V làm đại diện, vay vốn theo diện hộ nghèo, với số tiền 25.000.000đ, không có tài sản đảm bảo, lãi suất trong hạn 0,65%/ tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn cho vay 36 tháng, trả lãi tiền vay vào ngày 16 hàng tháng, trả tiền gốc 12 tháng/lần với mỗi lần 8.000.000đ.

Theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ (BL15), ngày 16/6/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho vay, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 16/6/2016, được gia hạn đến ngày 16/12/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Nguyễn Y V chỉ mới trả tiền gốc được 8.000.000đ vào ngày 16/7/2014, trả tiền lãi từ ngày 16/6/2013 đến ngày 30/01/2018 là 6.932.580đ, trong đó lãi trong hạn là 6.718.4000đ, lãi quá hạn là 213.573đ.

Sau đó, ông V không tiếp tục trả nợ gốc và nợ lãi. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Y V, ông Nguyễn Thanh S, bà Y L và bà Trần Thị Kim C là những thành viên trong hộ gia đình phải trả số tiền:

Nợ gốc là 17.000.000đ, nợ lãi quá hạn từ ngày 31/01/2018 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10,14%/năm là 2.158.292đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ghi ngày 11/01/2019 (BL 31, 32), ông Nguyễn Thanh S và bà Y L thừa nhận ông, bà cùng với ông V, bà C có vay vốn của Ngân hàng theo diện hộ nghèo, còn nợ tiền gốc là 17.000.000đ và nợ tiền lãi, đồng ý với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng nhưng vì lý do kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ được.

- Kết quả xác minh của Tòa án (BL24), ông V, bà C có nơi cư trú tại thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2015, không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương; hộ ông Nguyễn Thanh S tại thời điểm tháng 6/2013 bao gồm chủ hộ là ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1948; vợ là bà Y L, sinh năm 1953; con Nguyễn Y V, sinh năm 1978; con dâu Trần Thị Kim C, sinh năm 1984; các cháu là Nguyễn Trần Bảo T, sinh năm 2003, Nguyễn Y Bảo C, sinh năm 2005, Nguyễn Y Bảo N, sinh năm 2013.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn là ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã Ia S, huyện G, tỉnh Gia Lai, bị đơn là ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C có địa chỉ nơi cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hồ sơ vay vốn. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, ông V, bà C đã đi khỏi địa chỉ nơi cư trú, không xác định thời điểm trở về nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung, niêm yết đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và những văn bản tố tụng tại nơi cư trú, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin theo quy định tại Điều 177, Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là ông V, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; ông S, bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn đã được tống đạt đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, đồng thời các bị đơn là ông S, bà L thừa nhận nghĩa vụ nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật. Có căn cứ xác định ông V đã xác lập giao dịch vay số tiền 25.000.000đ, đã trả tiền nợ gốc 8.000.000đ và trả tiền lãi từ ngày 16/6/2013 đến 30/01/2018 đúng như Ngân hàng C đã trình bày.

[4] Ngân hàng C cho vay đối với đối tượng chính sách là hộ nghèo với mục đích chăm sóc vườn cà phê. Chủ thể vay tiền là hộ gia đình, là chủ thể của quan hệ dân sự theo Bộ luật Dân sự 2005, là luật có hiệu lực tại thời điểm xác lập giao dịch, được áp dụng để giải quyết tranh chấp. Ông V là thành viên của hộ gia đình tham gia xác lập giao dịch, tuy nhiên ông S là chủ hộ và bà L đều thừa nhận nghĩa vụ trả nợ. Mục đích vay phục vụ lợi ích chung. Có căn cứ xác định ông V là người đại diện cho hộ gia đình xác lập giao dịch vay tiền của Ngân hàng C và nghĩa vụ trả nợ thuộc về hộ gia đình của ông S theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật Dân sự 2005.

[5] Theo quy định tại Điều 110 của Bộ luật Dân sự 2005, hộ gia đình chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của hộ, nếu tài sản chung không đủ thực hiện nghĩa vụ thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng. Tuy nhiên, không có chứng cứ để xác định hộ gia đình ông S có tài sản chung và những thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập hoặc tặng cho chung, thừa kế chung, thỏa thuận là tài sản chung. Đồng thời, quy định này cũng không xác định cụ thể thành viên nào của hộ gia đình phải có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ vào nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận và khả năng xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự cá nhân, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về các thành viên của hộ gia đình có công sức đóng góp vào hoạt động kinh tế chung và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền là ông S, bà L, ông V và bà C theo quy định tại các điều 4, 17, 18, 19, 20, 106 của Bộ luật Dân sự 2005.

[7] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông S, bà L, ông V và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 17.000.000đ và nợ lãi quá hạn từ ngày 31/01/2018 đến ngày xét xử 2.158.292đ, tổng cộng là 19.158.292đ. Chia phần mỗi người phải trả 4.789.573đ.

[8] Về án phí: Các bị đơn không có yêu cầu và cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc miễn nộp tiền án phí nên phải liên đới chịu 957.915đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 39, 40, 147, 192, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các điều 4, 17, 18, 19, 20, 106, 107, 108, 110 của Bộ luật Dân sự 2005;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội

Buộc ông Nguyễn Thanh S, bà Y L, ông Nguyễn Y V, bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu đồng) nợ gốc và 2.158.292đ nợ lãi quá hạn, mỗi người 4.789.573đ (bốn triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh S, bà Y L, ông Nguyễn Y V, bà Trần Thị Kim C còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 10,14%/năm.

2. Ông Nguyễn Thanh S, bà Y L, ông Nguyễn Y V, bà Trần Thị Kim C phải liên đới nộp số tiền 957.915đ (chín trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người nộp 239.479đ (hai trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy